

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/HS-ST

Ngày: 03 - 12 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hồng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Đình Nhiễm**

Ông **Nguyễn Thành Lâm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Cao Thị Hồng Nhung** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Nguyệt Minh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 55/2021/TLST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2021/QĐXXST- HS ngày 22 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Kim A, Sinh ngày 09/4/2000 tại Thanh Sơn, Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu 3 xã TĐ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Quốc Cửu, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Hồng, sinh năm 1968; Chồng: Nguyễn Văn T2, sinh năm 1996; Con: Có hai con, lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ tạm giam, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện ở tại Khu 3, xã TĐ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt).

- Bị hại:

Chị Nguyễn Bích N sinh năm 1999; Địa chỉ: Khu 4, xã TĐ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt).

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982; Trú tại: KC, xã TK, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ (Có mặt)

- + Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1996 trú tại khu 3, xã TĐ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt).
- + Chị Nguyễn Bích N2, sinh năm 1997, trú tại khu 5 xã XL huyện TT, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt)
- + Anh Phan Ngọc K, sinh năm 1976 trú tại khu 4 thị trấn TT, huyện TT, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng từ cuối năm 2020 đến đầu tháng 3/2021, bị cáo Trần Kim A đã nhiều lần thuê xe mô tô của chị Nguyễn Bích N, sinh năm 1999, trú tại khu 4, xã TĐ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Các lần thuê xe tại thời điểm này, bị cáo A đều đã thanh toán tiền thuê và trả xe đúng theo hợp đồng đã ký kết cho chị N.

Đến khoảng giữa tháng 3/2021, do không có tiền để chi tiêu cá nhân nên A đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị N dưới hình thức thuê xe mô tô, sau đó đem bán lấy tiền chi tiêu. Để thực hiện ý định của mình, sáng ngày 17/3/2021, A đi đến nhà chị N đặt vấn đề với chị N cho A thuê chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển kiểm soát 19L1-216.18 của chị N làm phương tiện đi lại và A để lại Giấy chứng nhận kết hôn của vợ chồng A để làm tin. Do tin tưởng A có nhu cầu thuê xe làm phương tiện đi lại thật nên chị N đồng ý cho A thuê chiếc xe mô tô trên. Hai bên thỏa thuận giá thuê là 500.000 đồng/ngày, thời hạn thuê đến ngày 01/4/2021. Sau khi ký kết hợp đồng, chị N đã giao xe cùng bản gốc Chứng nhận đăng ký xe mô tô đứng tên Nguyễn Bích N cho A.

Ngay sau khi thuê được chiếc xe mô tô biển kiểm soát 19L1-216.18, A mang xe kèm theo bản gốc Chứng nhận đăng ký xe mô tô đến gặp anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982, trú tại KC, xã TK, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ để đặt vấn đề cầm cố chiếc xe trên, nhưng anh T không nhận cầm cố mà chỉ nhận mua bán xe, nên A đồng ý bán chiếc xe mô tô trên cho anh T với giá 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và viết giấy bán xe cho anh T. Khi bán, A nói với anh T đây là xe mô tô của A, được em gái chồng đã đi Nhật Bản để lại cho, nhưng A chưa làm thủ tục sang tên. Số tiền bán chiếc xe mô tô, A đã chi tiêu cá nhân hết. Đến ngày 01/4/2021 hết thời hạn thuê xe theo hợp đồng, để tránh bị chị N phát hiện, A đã đem chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển kiểm soát 19L1-230.94 (là xe của anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1996, trú tại khu 3, xã TĐ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ - là chồng của A) đến gặp anh Nguyễn Văn T và đặt vấn đề với anh T là A sẽ để lại chiếc xe mô tô Honda Airblade làm tin và mượn lại chiếc xe mô tô Honda Vision biển kiểm soát 19L1-216.18 để A về thông nhất lại với chồng về việc bán chiếc xe này, (A nói dối anh T là chồng chưa đồng ý bán chiếc xe trên). Anh T không biết mục đích của A nên đồng ý và cho A mượn chiếc xe mô tô Honda Vision biển kiểm soát 19L1-216.18.

Sau khi được anh T cho mượn xe mô tô Honda Vision biển kiểm soát 19L1-216.18, A điều khiển xe mô tô đến nhà chị N đặt vấn đề thuê lại chiếc xe trên. Chị N không biết việc A đã bán chiếc xe của mình nên đồng ý cho A tiếp tục thuê chiếc xe trên. Hai bên thỏa thuận tiền thuê xe là 500.000 đồng/ngày, thời hạn thuê đến ngày 06/4/2021. Sau khi được chị N cho thuê lại xe, A điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 19L1-216.18 đến trả cho anh T, rồi lấy chiếc xe mô tô Honda Airblade biển kiểm soát 19L1-230.94 đi về nhà. Đến sáng ngày 04/4/2021, A đến vay của anh T số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và hẹn đến chiều cùng ngày sẽ trả tiền cho anh T. Tuy nhiên, đến chiều A chỉ trả cho anh T được 2.300.000 đồng, còn nợ lại 2.700.000 đồng cùng với 300.000 đồng A nợ tiền sửa xe ở cửa hàng của anh T trước đây. Vì vậy, A đã viết lại Giấy bán xe mô tô cho anh T và đề ngày 04/4/2021 với nội dung: A bán xe mô tô Honda Vision biển kiểm soát 19L1-216.18 cho anh T với giá 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng). Mục đích là để khi nào A mua lại chiếc xe trên sẽ phải thanh toán cả số tiền nợ là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) cho anh T.

Ngoài hành vi trên, ngày 18/3/2021 Trần Kim A còn có hành vi lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode biển kiểm soát 19L1-266.15 của chị Nguyễn Bích N, cụ thể như sau:

Sáng ngày 18/3/2021, A đi đến nhà gặp chị N đặt vấn đề thuê chiếc xe mô tô Honda SH Mode biển kiểm soát 19L1-266.15, A nói với chị N là thuê xe cho bố đẻ là ông Trần Quốc Cữu, sinh năm 1969, trú tại khu Dọc Cày, xã Thạch Khoán, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ làm phương tiện đi lại (thực tế ông Cữu bị bệnh gút và bị dị tật ở chân, đi lại khó khăn, nên không thể điều khiển xe mô tô được). Do tin tưởng A nên chị N đồng ý cho A thuê xe. Hai bên thỏa thuận giá tiền thuê 700.000 đồng/ngày, thời hạn thuê đến ngày 06/4/2021. Sau đó, chị N đã giao cho A chiếc xe mô tô biển kiểm soát 19L1-266.15 cùng bản phô tô công chứng Chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên chị Nguyễn Bích N, sinh năm 1997, trú tại khu 5, xã XL, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ (là chị gái của chị N, chị N2 chưa dùng đến nên đã giao chiếc xe này cho chị N và đồng ý để chị N làm xe cho thuê).

Ngay sau khi thuê được chiếc xe mô tô Honda SH Mode biển kiểm soát 19L1-266.15, A không giao xe cho ông Cữu làm phương tiện đi lại (như đã nói với chị N) mà A điều khiển xe trên đến gặp anh Phan N K, sinh năm 1976, trú tại khu 4, thị trấn Thanh Thủy, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ và đặt vấn đề cầm cố chiếc xe này, nhưng anh K không nhận cầm cố mà chỉ nhận mua bán xe, nên A đồng ý bán chiếc xe này cho anh K với giá 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) và viết Giấy bán xe đề ngày 18/3/2021, đồng thời giao cho anh K Chứng nhận đăng ký xe mô tô bản phô tô công chứng. Khi bán, A tự giới thiệu với anh K bản thân tên là N2 (như tên trong Chứng nhận đăng ký xe mô tô) và khẳng định chiếc xe mô tô là của A mua trả góp. Số tiền thu được từ việc bán chiếc xe trên A đã chi tiêu cá nhân hết. Đến ngày 06/4/2021 hết hạn hợp đồng thuê chiếc xe mô tô Honda SH Mode biển kiểm soát 19L1-266.15 và

xe mô tô Honda Vision biển kiểm soát 19L1-216.18, để tránh bị chị N phát hiện, A đã đến gặp anh K đặt vấn đề mượn lại chiếc xe mô tô Honda SH Mode biển kiểm soát 19L1-266.15 và nói dối anh K là mượn xe để đi lấy đăng ký xe bản gốc. Vì tin tưởng A nên anh K đã đồng ý và giao chiếc xe mô tô Honda SH Mode biển kiểm soát 19L1-266.15 cho A mượn.

Sau khi mượn được xe, A điều khiển xe mô tô Honda SH Mode biển kiểm soát 19L1-266.15 đến nhà chị N và đặt vấn đề thuê lại chiếc xe mô tô Honda SH Mode biển kiểm soát 19L1-266.15 và xe mô tô Honda Vision biển kiểm soát 19L1-216.18. Chị N không biết là A đã bán cả hai chiếc xe trên nên đồng ý tiếp tục cho A thuê hai chiếc xe. Hai bên làm Hợp đồng thuê xe đề ngày 06/4/2021, thỏa thuận giá thuê xe mô tô Honda Vision là 500.000 đồng/ 1 ngày và giá thuê xe mô tô Honda SH Mode là 700.000 đồng/ 1 ngày, thời hạn thuê cả hai chiếc xe đều đến ngày 12/4/2021. Sau khi được chị N cho thuê lại xe, A điều khiển xe mô tô Honda SH Mode biển kiểm soát 19L1-266.15 về trả cho anh K và nói dối là vẫn chưa lấy được đăng ký xe bản gốc.

Đến ngày 12/4/2021 hết hạn thuê cả hai chiếc xe mô tô trên, A nói với chị N là đã làm mất hai chiếc xe trên, hứa sẽ tìm trả lại xe cho chị N và viết Giấy cam kết với chị N, đề ngày 13/4/2021 với nội dung: *“trong thời hạn ba ngày nếu tôi không trả được xe cho chị N, thì tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và đền xe”*. Tuy nhiên, đến ngày 25/5/2021, A vẫn không trả được xe, qua tìm hiểu chị N biết được không phải A làm mất hai chiếc xe trên mà thực chất là A đã đem chiếc xe mô tô Honda Vision biển kiểm soát 19L1-216.18 bán cho anh Nguyễn Văn T ở xã Thạch Khoán, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ, đem chiếc xe mô tô Honda SH Mode biển kiểm soát 19L1-266.15 bán cho anh Phan Ngọc K ở thị trấn Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, nên chị N đã đến Công an huyện Thanh Thủy trình báo.

Quá trình điều tra, ngày 26/5/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Thanh Thủy đã triệu tập, lấy lời khai của anh Nguyễn Văn T và anh Phan Ngọc K để làm rõ việc mua bán hai chiếc xe mô tô trên giữa Trần Kim A với anh T, anh K. Anh Nguyễn Văn T đã tự nguyện nộp cho Cơ quan điều tra 01 chiếc xe mô tô Honda Vision biển kiểm soát 19L1-216.18 cùng bản gốc Chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Bích N và Giấy bán xe mô tô đề ngày 04/4/2021 giữa Anh và anh T; anh Phan Ngọc K đã tự nguyện nộp 01 chiếc xe mô tô Honda SH Mode biển kiểm soát 19L1-266.15 cùng bản photo công chứng Chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Bích N và Giấy bán xe giữa A và anh K đề ngày 18/3/2021.

Ngày 04/6/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Thanh Thủy đã ra Yêu cầu định giá tài sản đối với hai chiếc xe mô tô trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 29 ngày 07/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Thanh Thủy kết luận:

“Giá trị 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, màu đen đỏ, số khung 5815GY580449, số máy JF66E0812480, biển kiểm soát 19L1-216.18. Sản xuất năm 2018 cần định giá là 20.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi triệu đồng).

Giá trị 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Honda SH Mode, màu bạc đen, số khung 5167KZ195693, số máy JF87E5198331, biển kiểm soát 19L1-266.15, sản xuất năm 2020. cần định giá là 40.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi triệu đồng).”

Tổng giá trị 02 chiếc xe mô tô là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Ngày 27/7/2021, Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Thủy đã trả lại chiếc xe mô tô Honda SH Mode biển kiểm soát 19L1-266.15 cho chị Nguyễn Bích N và trả lại chiếc xe mô tô Honda Vision biển kiểm soát 19L1-216.18 cùng bản gốc Chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Bích N cho chị N. Chị N2 và chị N đã nhận lại tài sản và đều không có yêu cầu bồi thường gì khác

Tại Cơ quan điều tra, Trần Kim A và chị Nguyễn Bích N đều khai nhận: từ ngày 17/3/2021 thuê chiếc xe mô tô Honda Vision biển kiểm soát 19L1-216.18, ngày 18/3/2021 thuê xe mô tô Honda SH Mode biển kiểm soát 19L1-266.15 cho đến ngày 12/4/2021 (là ngày cuối cùng thuê hai chiếc xe trên), A có đặt cọc tiền cho chị N để làm tin. Số tiền đặt cọc này, hai người đã trừ dần vào tiền thuê xe trong khoảng thời gian trên và đã trừ hết, A đã thanh toán đầy đủ số tiền thuê xe cho chị N, hai người không nợ nhau khoản tiền nào. Vì vậy chị N không yêu cầu A phải bồi thường khoản tiền nào liên quan đến việc thuê xe mô tô của chị N.

Cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc, lấy lời khai của ông Trần Quốc Cửu (là bố đẻ của bị cáo A) ông Cửu khai: bản thân ông bị bệnh gút và bị dị tật ở chân, đi lại khó khăn, nên không thể điều khiển xe mô tô, thời gian vừa qua, ông cũng không thấy A mang chiếc xe mô tô nào về cho ông sử dụng.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên và khai nhận ngày 17/3/2021 bản thân A không có nhu cầu thuê xe làm phương tiện đi lại và ngày 18/3/2021 A cũng không có nhu cầu thuê xe cho bố đẻ. Việc A đưa ra các thông tin sai sự thật này nhằm mục đích làm cho chị N tin tưởng và giao xe cho A để A chiếm đoạt tài sản, đem bán lấy tiền chi tiêu cá nhân.

Trong vụ án này anh Nguyễn Văn T là người đã mua chiếc xe mô tô Honda Vision biển kiểm soát 19L1-216.18 và anh Phan Ngọc K là người đã mua chiếc xe mô tô Honda SH Mode biển kiểm soát 19L1-266.15 do bị cáo A đem bán, nhưng khi mua chiếc xe trên, anh T và anh K đều không biết đó là tài sản do A phạm tội mà có, đến khi được thông báo nguồn gốc xe thì anh T và anh K đều đã tự nguyện giao nộp lại xe cho Cơ quan điều tra để xử lý cùng vụ án. Vì vậy, Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Thủy không xem xét trách nhiệm hình sự và không đề cập xử lý đối với anh Nguyễn Văn T và anh Phan Ngọc K là phù hợp với quy định của pháp luật.

Bản cáo trạng số 55/CT- VKSTT ngày 10 tháng 11 năm 2021, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ truy tố bị cáo Trần Kim A về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Căn cứ Điểm c Khoản 2 Điều 174; Điểm s Khoản 1 điều 51, Điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáo Trần Kim A phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”;

Xử phạt bị cáo Trần Kim A từ 30 tháng đến 33 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

* **Về trách nhiệm dân sự:** Buộc bị cáo Trần Kim A phải trả cho Anh Nguyễn Văn T số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng); Trả cho Anh Phan Ngọc K số tiền 40.000.000 đ (Bốn mươi triệu đồng).

Ngoài ra Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các quy định của pháp luật để xử lý vật chứng và án phí.

Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu và chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

1. Về tố tụng: Bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Kiểm sát viên, bị cáo đề nghị xét xử vắng mặt họ. Hội đồng xét xử xét thấy những người vắng mặt nhưng đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là phù hợp quy định tại Khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

2. Về nội dung vụ án:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Trần Kim A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu, thừa nhận nội dung cáo trạng truy tố là đúng, không oan sai. Lời khai nhận của bị cáo tại cơ quan điều tra và lời khai tại phiên tòa đều thống nhất với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với vật chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định:

Trong các ngày 17/3/2021 và ngày 18/3/2021, tại khu 4 xã TĐ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, bị cáo Trần Kim A đã 02 lần có hành vi dùng thủ đoạn gian dối bằng cách ký hợp đồng thuê xe mô tô để làm phương tiện đi lại, sau đó đã chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Bích N gồm 01 xe mô tô Honda Vision biển kiểm soát 19L1-216.18 trị giá 20.000.000 đồng và 01 xe mô tô Honda SH Mode biển kiểm soát 19L1-

266.15 của chị Nguyễn Bích N do chị N quản lý có trị giá 40.000.000 đồng, với mục đích bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 29 ngày 07/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Thanh Thủy kết luận:

“Giá trị 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, màu đen đỏ, số khung 5815GY580449, số máy JF66E0812480, biển kiểm soát 19L1-216.18. Sản xuất năm 2018 cần định giá là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Giá trị 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Honda SH Mode, màu bạc đen, số khung 5167KZ195693, số máy JF87E5198331, biển kiểm soát 19L1-266.15, sản xuất năm 2020. cần định giá là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).”

Như vậy, xác định tài sản bị cáo chiếm đoạt trong vụ án tổng là 60.000.000 đ (Sáu mươi triệu đồng).

Hành vi của bị cáo Trần Kim A đã đủ yếu tố cấu thành tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự, có khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù.

[2] Xét thấy tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, là khách thể được luật hình sự bảo vệ, mà mọi hành vi xâm phạm đến đều bị xử lý. Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, bị pháp luật ngăn cấm và bị xã hội lên án nhưng vẫn thực hiện. Hành vi của bị cáo đã đưa ra thông tin sai sự thật làm cho người khác tưởng đó là thật để giao tài sản cho bị cáo, với mục đích chiếm đoạt tài sản của họ để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện, thể hiện sự coi thường pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử cần xử lý nghiêm minh, áp dụng hình phạt tù giam đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử thấy rằng: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt hai chiếc xe mô tô trong hai ngày (ngày 17/3/2021 và ngày 18/3/2021) mỗi chiếc xe đều có giá trị trên 2.000.000 đồng, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5, Điều 174 của Bộ luật hình sự thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên qua xác minh của cơ quan cảnh sát Điều tra cho thấy, bị cáo Anh không có tài sản riêng gì có giá trị lớn, là

lao động tự do, thu nhập chỉ đảm bảo cuộc sống tối thiểu hàng ngày, do đó Hội đồng xét xử cần miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo, thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

[5] Đối với anh Nguyễn Văn T là người đã mua chiếc xe mô tô Honda Vision biển kiểm soát 19L1-216.18 và anh Phan Ngọc K là người đã mua chiếc xe mô tô Honda SH Mode biển kiểm soát 19L1-266.15 do Trần Kim A đem bán, nhưng khi mua chiếc xe trên, anh T và anh K đều không biết đó là tài sản do Anh phạm tội mà có, anh T và anh K đều đã tự nguyện giao nộp lại xe cho Cơ quan điều tra để xử lý cùng vụ án. Vì vậy, Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Thủy không xem xét trách nhiệm hình sự và không đề cập xử lý đối với anh Nguyễn Văn T và anh Phan Ngọc K là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Đối với anh Nguyễn Văn T2 – Chồng của bị cáo Anh: Khi bị cáo Anh đem xe của anh Tuyến đến nhà anh T đặt làm tin để mượn lại chiếc xe mô tô Vision đã bán cho anh T, rồi sau đó Anh đến nhà chị N để đặt vấn đề thuê lại, nhưng anh Tuyến không biết hành vi trên của Anh nên cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý đối với anh Tuyến là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với tài sản do bị cáo lừa đảo chiếm đoạt của Chị Nguyễn Bích N: 01 chiếc xe mô tô Honda SH Mode biển kiểm soát 19L1-266.15; Của chị Nguyễn Bích N: 01 chiếc xe mô tô Honda Vision biển kiểm soát 19L1-216.18 cùng bản gốc Chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Bích N. Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Thanh Thủy đã trả lại cho Chị N2 và chị N, Chị N2 và chị N đã nhận lại tài sản và đều không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì khác, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết;

- Đối với việc bị cáo Anh đã đem chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển kiểm soát 19L1-230.94 (là xe của anh Nguyễn Văn T2 - chồng của bị cáo) đến gặp anh Nguyễn Văn T và đặt làm tin để mượn lại chiếc xe mô tô Honda Vision biển kiểm soát 19L1-216.18, nhưng sau đó anh Tuyến đã nhận lại xe và xác nhận xe không bị thay đổi bộ phận nào và không yêu cầu gì, nên HĐXX không đặt ra giải quyết là phù hợp.

- Đối với anh Nguyễn Văn T đề nghị bị cáo phải bồi thường cho anh số tiền 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng) (trong đó có 20.000.000 đồng tiền anh T đã mua chiếc xe mô tô Honda Vision biển kiểm soát 19L1-216.18 và 3.000.000 đồng là tiền anh T cho bị cáo vay). Sau đó, tại phiên tòa anh T yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho anh số tiền thiệt hại trong vụ án là 20.000.000 đồng; Anh Phan Ngọc K đề nghị bị cáo phải bồi thường số tiền anh K đã mua chiếc xe mô tô Honda SH Mode biển kiểm soát 19L1-266.15 là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) mà bị cáo chưa trả cho anh T và anh K. Hội đồng xét xử xét thấy, đối với số tiền 3.000.000đ do anh T cho bị cáo vay không liên quan đến vụ án nên HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này, nếu sau này giữa anh T và bị cáo có yêu cầu thì được xem xét, giải quyết theo thủ

tục dân sự. Do đó, cần buộc bị cáo phải trả cho anh K số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng); Trả cho anh T số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) là phù hợp.

[8] Về vật chứng vụ án:

- Đối với chiếc xe mô tô Honda SH Mode biển kiểm soát 19L1-266.15 của chị Nguyễn Bích N và 01 chiếc xe mô tô Honda Vision biển kiểm soát 19L1-216.18 cùng bản gốc Chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Bích N của chị N do bị cáo lừa bán cho người khác, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy đã trả lại cho chị N2 và chị N. Chị N2 và chị N đã nhận lại tài sản và đều không có yêu cầu bồi thường gì khác. Nên Hội đồng xét xử cần xác nhận;

- Đối với: 01 Hợp đồng thuê xe mô tô Honda Vision biển kiểm soát 19L1-216.18, 01 Hợp đồng thuê xe mô tô Honda SH Mode biển kiểm soát 19L1-266.15 đều đề ngày 06/4/2021, 01 Giấy cam kết đề ngày 13/4/2021 (đều thu giữ của chị N); 01 Giấy bán xe mô tô đề ngày 04/4/2021 (thu giữ của anh T); 01 Giấy bán xe đề ngày 18/4/2021 và 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Bích N bản phô tô công chứng (thu giữ của anh K). Đây là vật chứng của vụ án, Hội đồng xét xử cần tiếp tục lưu hồ sơ vụ án là phù hợp.

- Đối với 01 Giấy chứng nhận kết hôn số 26/2019 ngày 13/9/2019 do chị Nguyễn Bích N giao nộp cho cơ quan Điều tra, đây là giấy tờ hợp pháp của bị cáo Anh, Hội đồng xét xử cần trả lại cho bị cáo là phù hợp.

[9] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự.

[10] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[11] Các quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào: Điểm c Khoản 2 Điều 174; Điểm s Khoản 1 điều 51, Điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự.

* **Tuyên bố:** Bị cáo Trần Kim A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

* **Xử phạt:** Bị cáo Trần Kim A 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

* **Về hình phạt bổ sung:** Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

* **Về trách nhiệm dân sự:**

- Đối với tài sản do bị cáo lừa đảo chiếm đoạt, bị hại chị Nguyễn Bích N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Bích N đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

- Buộc bị cáo Trần Kim A phải trả cho Anh Nguyễn Văn T số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng); Trả cho Anh Phan Ngọc K số tiền 40.000.000 đ (Bốn mươi triệu đồng).

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền mà bên được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, thì bên có nghĩa vụ còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

*** Về vật chứng:**

- Xác nhận: Chị Nguyễn Bích N đã nhận lại: 01 chiếc xe mô tô Honda SH Mode biển kiểm soát 19L1-266.15; Chị Nguyễn Bích N đã nhận lại: 01 chiếc xe mô tô Honda Vision biển kiểm soát 19L1-216.18 cùng bản gốc Chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Bích N. Chị N2 và chị N đã nhận lại tài sản và đều không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì khác.

- Căn cứ Khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm b, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo Trần Kim A: 01 Giấy chứng nhận kết hôn số 26/2019 ngày 13/9/2019.

*** Về án phí:** Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm a, c khoản 1, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Kim A phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền án phí dân sự trong án hình sự.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Quyền kháng cáo:** Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo Bản án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện TT,
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Công an huyện TT;
- UBND xã TĐ;
- Chi cục THADS huyện TT;
- Sở Tư pháp Tỉnh Phú Thọ;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Hồng

